

Bản án số: 65/2020/HS-ST

Ngày: 17/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY – TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Huy

Bà Trương Thị Xê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện VKSND huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Phan Lộc Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 13/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HS ngày 04/12/2020, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Xuân T, tên gọi khác: M, sinh ngày 23/7/1992 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình, nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Xuân T2, sinh năm 1953 và bà: Bùi Thị H, sinh năm 1953; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 13/02/2020, bị Công an phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về nhân thân: Ngày 22/9/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; ngày 01/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xử phạt 07 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; ngày 08/9/2020, bị Công an huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về “hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy”; ngày 01/10/2020, bị Công an xã H, huyện L xử phạt vi phạm hành chính về “hành vi trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam kể từ ngày 31/8/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Văn T3, tên gọi khác: C, sinh ngày 06/6/1991 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình, nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm 16, thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn Th, sinh năm 1963, con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/10/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về “Tội vận chuyển trái phép chất ma túy”; ngày 26/3/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 09 tháng tù về “Tội vận chuyển trái phép chất ma túy”; ngày 01/10/2020, Công an xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về “hành vi trộm cắp tài sản”.

- *Người bị hại:*

+ Ông Võ Văn L, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

+ Ông Hoàng Xuân T2, sinh năm 1953, địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 06/8/2020, Hoàng Xuân T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73N7- 5018 chở Phan Văn T3 đến thị trấn N để chơi điện tử nhưng các quán đều đóng cửa nên đi về. Khi đi ngang qua nhà ông Võ Văn L ở thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, T và T3 thấy hai xe ba gác để ở ngoài đường nên nảy sinh ý định trộm cắp. T điều khiển xe mô tô quá nhà ông L khoảng 300m thì dừng lại, T3 xuống xe đi bộ đến nhà ông L lấy trộm một chiếc xe ba gác kéo đến vị trí T đứng. T điều khiển xe mô tô, còn T3 ngồi sau kéo xe ba gác đi đến khu vực lãng mộ ở thị trấn N cất giấu. Sau đó, T tiếp tục chở T3 quay lại nhà ông L lấy trộm chiếc xe ba gác còn lại và đưa đi cất giấu cùng chỗ với chiếc xe ba gác đã lấy trộm lúc đầu. Khoảng 06 giờ ngày 07/8/2020, T và T3 đưa hai xe đã lấy trộm được bán cho Nguyễn Hữu L, ở tổ dân phố 7, phường N, thành phố Đ với giá 650.000 đồng. Số tiền bán xe T và T3 tiêu xài hết.

Tại kết luận định giá tài sản số: 39/KL-HĐĐG ngày 17/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy kết luận: Hai xe ba gác do T và T3 trộm cắp vào đêm 06/8/2020 có giá trị tại thời điểm bị mất trộm là 5.600.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy tạm giữ 02 xe ba gác (xe lôi), khung xe làm bằng kim loại, có kích thước dài 3,5m, rộng 1,2m, chiều dài của thân chở hàng 1,9m, tình trạng xe: Xe đã qua sử dụng, đã bị cắt rời từng bộ phận. Ngày 04/9/2020, Công an huyện Lệ Thủy đã tiến hành trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu.

Về dân sự: Ông Võ Văn L đã nhận lại tài sản và yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng do tài sản bị hư hỏng. Phan Văn T3 và gia đình đã bồi thường số tiền 1.500.000 đồng, Hoàng Xuân T chưa bồi thường. Anh Nguyễn Hữu L không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT-VKSNDLT ngày 13/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố các bị cáo Hoàng Xuân T và Phan Văn T3 về "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Qua tranh

luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Hoàng Xuân T từ 09 đến 12 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T3 từ 06 đến 09 tháng tù; trách nhiệm dân sự, bị hại ông Võ Văn L đã nhận lại tài sản và có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản 3.000.000 đồng, bị cáo Phan Văn T3 đã bồi thường 1.500.000 đồng, nay đề nghị buộc bị cáo Hoàng Xuân T bồi thường 1.500.000 đồng cho ông L là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Xuân T và Phan Văn T3 khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Các bị cáo đều khai vào khoảng 23 giờ ngày 06/8/2020, hai bị cáo rủ nhau đến thị trấn N để chơi game nhưng khi đến nơi, quán đã đóng cửa nên hai bị cáo đi về, trên đường về có thấy hai chiếc xe ba gác để ở trước cửa hàng có tên L T nên hai bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu. T điều khiển xe mô tô chở T3 ngồi sau kéo từng chiếc một đem đi cất giấu tại khu lăng mộ tại thị trấn N, huyện L tỉnh Quảng Bình, rồi cả hai về nhà T nằm ngủ. Đến 06 giờ sáng ngày 07/8/2020, cả hai cùng nhau đưa hai chiếc xe ba gác về phường N, thành phố Đ bán cho một cửa hàng thu mua phế liệu được 650.000 đồng, số tiền này T và T3 đã tiêu xài hết. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Hoàng Xuân T và Phan Văn T3 đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của ông Võ Văn L có giá trị 5.600.000 đồng. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân. Cả hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội

với vai trò như nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự như nhau; xét về nhân thân: Cả hai bị cáo đều đã nhiều lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và nhiều lần bị Tòa án xét xử. Chứng tỏ cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, là người khó cải tạo, giáo dục, do đó, cần phải có một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Phan Văn T3 sau khi phạm tội đã tự nguyện cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhất trí áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T3; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T, để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật. Riêng một số tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Huân chương kháng chiến của ông Nguyễn Văn L và bà Cao Thị T là ông bà ngoại của Phan Văn T3 và sơ yếu lý lịch tự thuật để làm thủ tục hưởng chế độ của ông Hoàng Xuân T2 (bố T) không đủ điều kiện để áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[5]. Vật chứng: Vật chứng mà cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, Hội đồng xét xử không xem xét;

[6]. Về dân sự: Bị hại ông Võ Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày trong quá trình điều tra, khi ông nhận lại tài sản bị mất thì cả hai chiếc xe ba gác của ông đã bị cắt rời từng bộ phận nên ông phải sửa chữa, khắc phục lại hết 3.000.000 đồng, ông yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường số tiền trên. Bị cáo Phan Văn T3 đã tự nguyện bồi thường 1.500.000 đồng. Nay ông L yêu cầu Hoàng Xuân T bồi thường 1.500.000 đồng, đây là thiệt hại tài sản thực tế do hành vi trái pháp luật của các bị cáo gây ra nên yêu cầu của ông Võ Văn L là có căn cứ, cần chấp nhận để buộc Hoàng Xuân T phải bồi thường cho ông Võ Văn L số tiền 1.500.000 đồng là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Xuân T và Phan Văn T3 phạm “Tội trộm cắp tài sản”

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân T 12(mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 31/8/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án (có quyết định riêng).

Buộc bị cáo Hoàng Xuân T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Võ Văn L số tiền: 1.500.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn T3 09(chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 31/8/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án (có quyết định riêng).

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Hoàng Xuân T và Phan Văn T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng, riêng bị cáo Hoàng Xuân T phải chịu thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/12/2020), bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- VKSND t. Quảng Bình;
- TAND t. Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Công an h. Lệ Thủy
- Sở Tư pháp t.Quảng Bình;
- Bộ phận THAHS
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Nhàn

